

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/6/2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Ông Nguyễn Đình Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quý - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh N tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thy – Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 17, phường Nghĩa Chánh, thành phố Q, tỉnh N.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Quang Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Đội 5, thôn 3, xã Nghĩa Đồng, thành phố Q, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2018, bản tự khai ngày 16/01/2019, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 14/3/2019 và ngày 14/4/2019 nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đặng Quang Đ trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu với nhau, sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Đồng vào ngày 15/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở gia đình chồng, hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do thời gian gần đây anh Đ thường xuyên đánh đập, chửi bới xúc phạm danh dự, nhân phẩm chị T nhiều lần. Gia đình anh Đ chứng kiến nhưng không can ngăn mà mẹ chồng còn cùng hùa vào chửi bới chị T. Nhiều lần anh Đ đánh đập chị T, chị T có làm đơn gửi đến Công an xã giải quyết, nhưng sau đó chị có rút đơn lại và nộp đơn ly hôn để yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ

chồng giữa chị và anh Đ không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Quang Đ.

- Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 đứa con chung tên là Đặng Thị Ngọc V, sinh ngày 30/7/2015 và Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 15/11/2016. Trước đây, trong đơn khởi kiện chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con cho chị nuôi, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng. Nhưng tại bản trình bày ngày 16/01/2019 và tại phiên toàn chị T trình bày hiện nay anh Đ có nguyện vọng được nuôi con, hơn nữa cháu V trước giờ sống với anh Đ nên đã quen chị đồng ý giao cháu V cho anh Đ nuôi dưỡng, chị T nuôi dưỡng cháu H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T khai không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị T khai không có nợ tài sản của ai.

Anh Đặng Quang Đ vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nhưng tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/3/2019 bị đơn anh Đặng Quang Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Đúng như chị T trình bày.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh Đ cho rằng chị T thường hay bỏ về nhà mẹ đẻ của mình ở nên vợ chồng có cãi vã, từ tháng 10/2018 đến nay chị T ở luôn bên gia đình của chị ấy. Anh Đ nhiều lần về phía chị T để khuyên chị T quay về để vợ chồng chung sống nhưng chị T không chịu về. Nay chị T có đơn yêu cầu ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án khuyên chị T đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi con.

- Về con chung: Anh Đ khai có 02 con chung như chị T trình bày, nếu Tòa án giải quyết cho anh Đ và chị T ly hôn thì anh Đ có nguyện vọng được nuôi cháu V, chị T nuôi cháu H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Đ khai không có.

- Về nợ chung: Anh Đ khai không có nợ tài sản của ai.

Anh Đ thường xuyên đi làm ăn xa, không thể đến Tòa án để giải quyết vụ án được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý đơn, giải quyết vụ án, Thẩm phán đã làm đúng theo quy định của pháp luật; thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Chủ tọa phiên tòa điều hành phiên tòa đúng trình tự quy định luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Quang Đ vắng mặt. Tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng pháp luật theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống hôn

nhân không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn anh Đ. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Thị Ngọc V, sinh ngày 30/7/2015 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 15/11/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị T khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần tố tụng dân sự: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Đặng Quang Đ có địa chỉ tại: Đội 5, thôn 3, xã Nghĩa Đồng, thành phố Q, TỈNH N. Tòa án nhân dân thành phố Q đã thụ lý vụ án đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, anh Đặng Quang Đ vắng mặt lần thứ hai và không có lý do. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T đã tự nguyện quen biết, tìm hiểu và đăng ký kết hôn với anh Đặng Quang Đ vào ngày 15/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Đồng, thành phố Q, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng những năm gần đây chị T và anh Đ không tin tưởng nhau, không hòa hợp trong tính tình, cách sống nên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tại bản tự khai ngày 16/01/2019 và tại phiên tòa, chị T khai trong cuộc sống vợ chồng anh Đ thường xuyên đánh chị vô cớ, chị cố gắng chịu đựng vì con nên đã bỏ qua tha thứ cho anh Đ nhiều lần, nhưng anh Đ vẫn không thay đổi tính tình lâu dần dẫn đến tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đ không còn, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, phần ai nấy sống. Anh Đ biết Tòa án đang thụ lý giải quyết việc chị T yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi con, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2019, anh Đ có ý kiến anh không đánh đập chị T, không muốn ly hôn nhưng anh Đ cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, điều này chứng tỏ anh Đ không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T. Tại Biên bản xác minh ngày 06/5/2019, giữa chị T và anh Đ có mâu thuẫn và đã xảy ra xô xát với nhau, chị T có đơn trình bày sự việc và yêu cầu Công an xã Nghĩa Đồng giải quyết, sau đó chị T rút lại đơn nên Công an xã Nghĩa Đồng không giải quyết. Đến ngày 20/12/2018 chị T khởi kiện xin ly hôn ở Tòa án, tại phiên tòa chị T vẫn yêu cầu được ly hôn anh Đ. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T được ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung tên là Đặng Thị Ngọc V, sinh ngày 30/7/2015 và Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 15/11/2016. Tại đơn khởi kiện ngày 29/11/2018 chị T yêu cầu được nuôi 02 con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Ngày 16/01/2019, chị

T có bản tự khai xin nuôi cháu Đặng Thị Ngọc H và đồng ý giao cháu Đặng Thị Ngọc V cho anh Đ nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù anh Đ không có mặt tại phiên tòa nhưng tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2019 anh Đ có ý kiến được nuôi cháu V. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh Đ là chính đáng, phù hợp với điều kiện sinh sống của cháu V đang ở với anh Đ, anh Đ làm nghề sửa xe honda; còn cháu H đang ở với chị T, chị T làm nghề tóc, thu nhập mỗi tháng 4.000.000 đồng. Do đó, dựa trên quyền lợi mọi mặt của hai cháu để ổn định về mặt tâm lý, tình cảm cũng như về điều kiện sinh hoạt của hai cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu V cho anh Đ được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu H cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị T và anh Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh Đ khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh Đ khai không có nợ tài sản của ai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền chị T đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0000343 ngày 11/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

[7] Phát biểu quan điểm của Kiểm sát V tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ vào:** Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T được ly hôn anh Đặng Quang Đ.

- Giao con chung là cháu Đặng Thị Ngọc V, sinh ngày 30/7/2015 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao con chung là cháu Đặng Thị Ngọc H, sinh ngày 15/11/2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị T và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành V trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí về Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hương

đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0000343 ngày 11/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

- Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Đặng Quang Đ vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho anh Đ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TỈNH N;
- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- UBND xã Nghĩa Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc